

A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

QUYỂN 18

Phẩm 6: PHÂN BIỆT THÁNH ĐẠO QUẢ NHÂN (PHẦN 3)

Lại nữa, như người phàm phu sinh nơi địa sơ định trở lên, do xả hoặc của cõi Dục nên diệt lìa cho đến lại không tương ưng với hoặc. Ở cõi Dục kia cũng vậy. Như thế, lối chấp này không phải là chứng cứ.

Lại, do địa nào, từ địa nào được lìa dục?

Kệ nói:

*Do vô lưu không đến
Tất cả địa lìa dục.*

Giải thích: Nếu dựa vào địa không phải chế định, tu đạo vô lưu, thì có khả năng lìa dục nơi tất cả địa, cho đến trời Hữu đẳng. Nếu người dựa vào định của phần gần, được lìa dục của địa dưới, thì ví như đạo vô gián, nên tất cả đạo giải thoát cũng từ định phần gần đấy khởi.

Nếu không phải thì sao?

Kệ nói:

*Từ sau nơi phần định
Ba địa nẻo thoát tội.*

Giải thích: Địa sinh của tất cả chúng sinh có chín thứ. Nghĩa là dục nơi cõi Dục, định của cõi Sắc, bốn định của cõi Vô sắc. Trong đây, lìa từ dục nơi cõi Dục, cho đến lìa dục của cõi thứ hai, gọi là ba địa tội hơn. Ở trong ba địa này, đạo giải thoát là sau cuối, hoặc từ định phần gần khởi, hoặc từ định căn bản khởi.

Kệ nói: Chẳng phải là phần trên.

Giải thích: Từ ba địa tội hơn trở lên, tất cả đạo giải thoát là sau cùng, đều từ định căn bản khởi, đều không khởi từ định của phần gần. Vì xả căn bình đẳng, nên phần gần và căn bản trong ba định, vì do thọ căn bản khác, nên có người khác không thể nhập định căn bản. Vì tu hành chung căn khó thành, nên ở ba địa lìa dục, và đạo giải thoát là sau

cùng, cũng được từ định phần khởi, do vô lưu không phải chế định, được tất cả địa là dục. (Nghĩa này đã nói). Vì do khác chưa nói, nên nay phải nói.

Kệ nói: Do tám tự diệt trên.

Giải thích: Nếu do tám thứ định vô lưu nên được lia dục. Nghĩa là định sắc, định trung gian, định Vô sắc, đều từ tự địa và địa trên, mà đều được lia dục, không phải từ địa dưới. Vì trước kia đã lia dục, nên trong đây, đạo vô gián xuất thế, đạo giải thoát duyên bốn đế làm cảnh. Như thế, mười sáu tướng khởi, nghĩa này tự thành.

Kệ nói:

*Đạo vô gián giải thoát
Thế gian như thứ lớp Tĩnh
lặng cùng thô nặng Cảnh
địa tướng trên dưới.*

Giải thích: Đạo giải thoát khởi, lấy tĩnh lặng v.v... làm tướng. Đạo vô gián khởi, lấy thô nặng v.v... làm tướng. Hai đạo này, như thứ lớp thế gian kia. Thứ nhất duyên địa trên làm cảnh khởi. Thứ hai duyên địa dưới làm cảnh khởi. Nếu giải thoát, tư duy xét lường địa trên, vì duyên tĩnh lặng tinh đẹp xuất ly nên tùy thuộc một tướng. Nếu đạo vô gián tư duy, xét lường địa dưới, thì sẽ duyên thô nặng, bức não, vách dày, vì tùy thuộc một tướng. Do vì không tĩnh lặng, nên gọi là thô nặng. Do dụng công lớn đã thành, không phải tinh đẹp, nên gọi là bức não. Do vì nhiều lỗi lầm, hay trái nghịch, nên không được xuất ly địa này, nên gọi là vách dày. Thí dụ như tội nhân không rời địa ngục, vì chướng nặng. Trái với tướng này, nên biết là nghĩa của tướng xuất ly, tinh đẹp, tĩnh lặng.

Đã nói tùy thuộc gốc, thích ứng với nghĩa khác xong.

Lại nữa, từ Tận trí sau vô gián, trí nào được sinh?

Kệ nói:

*Nếu không hoại Tận trí
Vô sinh sau, không sinh
Tận trí hoặc Vô học, chánh kiến.*

Giải thích: Nếu người thành tựu, A-la-hán pháp không hoại thì từ Tận trí sau vô gián, Vô sinh trí ắt sinh, chứ không phải Tận trí, Vô học chánh kiến sinh. Nếu không phải là người của pháp không hoại, từ Tận trí lại sinh Tận trí, hoặc sinh chánh kiến Vô học, không phải Vô sinh trí vì có thoái đọa. Lại nữa, chánh kiến Vô học này, đối với A-la-hán bất hoại là chắc chắn không sinh.

Kệ nói: Thích ứng chung này.

Giải thích: Nếu A-la-hán của pháp không hoại, từ sau Vô sinh trí, có khi Vô sinh trí lại sinh. Vì sao? Vì chánh kiến này đối với tất cả A-la-hán, đều chung không có khác biệt, là bốn quả đã nói trước kia.

Quả này thuộc về pháp nào?

Là quả Sa-môn.

Pháp nào gọi là Sa-môn-nhã?

Kệ nói: Sa-môn đạo vô cấu.

Giải thích: Nếu đạo là vô lưu, gọi là Sa-môn-nhã. Do người của đạo này, trở thành Sa-môn-na, vì do khả năng làm tĩnh lặng các hoặc. Như kinh nói: Người này hay làm tĩnh lặng nhiều thứ pháp ác, không thích ứng với pháp tuệ, pháp nhiệm ô tùy thuận nơi sinh tử, có thể chiêu cảm với hữu sau, cho đến lão tử, nên gọi là Sa-môn-na. Phạm phu không phải nhất định có thể tĩnh lặng cảm hóa mọi điều ác, nên không phải chân thật Sa-môn-na.

Lại nữa, Sa-môn-nhã này, pháp nào là quả?

Kệ nói: Quả hữu vi, vô vi.

Giải thích: Pháp hữu vi, vô vi là quả của Sa-môn-nhã. Quả này, trước kia đã nói, có bốn hạng. Nghĩa là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Như kinh nói: Quả của Tỳ-kheo Sa-môn-nhã có bốn hạng (nói rộng như kinh).

Lại nữa, quả này có bao nhiêu thứ?

Kệ nói: Một quả kia gồm chín mươi.

Giải thích: Sa-môn-nhã này, quả của Sa-môn-nhã là hữu vi, vô vi, đều có tám mươi chín thứ.

Đây là pháp gì?

Kệ nói: Đạo giải thoát với diệt.

Giải thích: Vì diệt kiến hoặc, nên có tám đạo vô gián, tám đạo giải thoát. Vì diệt tu hoặc, nên ở mỗi chín địa đều có chín phẩm đạo vô gián, đều diệt chín phẩm hoặc, đều có chín phẩm đạo giải thoát. Tất cả đạo vô gián trong đây, được gọi là Sa-môn-nhã. Tất cả đạo giải thoát, gọi là quả của Sa-môn-nhã hữu vi, là quả đẳng lưu của đạo vô gián. Và vì quả công đức, nên các hoặc đều lìa diệt, gọi là quả của Sa-môn-nhã vô vi. Do nghĩa như đây, nên quả hữu vi, vô vi đều có giảm một nơi chín mươi thứ hoặc.

Nếu vậy, đối với Phật, Thế Tôn, nghĩa này lẽ ra phải hợp phân biệt, không thể phân biệt riêng lẻ, nếu quả rất nhiều.

Kệ nói:

Thành lập bốn thứ quả

Do năm nhân có đủ.

Giải thích: Ở trong vị diệt, đạo, nếu có đủ năm nhân, thì ở quả vị này, Phật, Thế Tôn đã an lập quả Sa-môn-nhã.

Những gì là năm nhân?

Kệ nói:

*Xả trước được đạo riêng
Được quả, quả diệt chung
Và cùng đắc tám trí
Tu tập mười sáu hành.*

Giải thích:

1. Trước lìa bỏ đạo trước.
2. Đến đắc đạo chưa từng được. Do lìa bỏ, dẫn đến đắc hưởng đạo, quả đạo.

3. Số hợp dẫn đến đắc diệt. Do phần một đã đạt được nên dẫn đến đắc tất cả diệt.

4. Vì một thời điểm đạt được tám trí.

5. Bốn pháp trí và loại trí.

Tu tập mười sáu tướng đế, nghĩa là tướng vô thường v.v..., năm nhân như đây, mỗi quả đều có năm nhân này, không thể lập ở quả Phật. Nếu chỉ nơi đạo vô lưu, gọi là Sa-môn-nhã.

Thế nào đạo đời đã được hai thứ quả, gọi là quả Sa-môn-nhã?

Kệ nói:

*Vì đời đạo được lìa
Được vô lưu giữ quả.*

Giải thích: Trong hai quả, không chỉ lấy sự diệt của đạo, đời làm quả. Nghĩa là từ quả Tư-đà-hàm.

Thế nào là diệt của quả kiến đạo, ở trong đó lìa nhau, đồng nhất dẫn đến đắc, thấu tóm tất cả diệt? Vì mỗi một quả, thế nên trong kinh nói: Gì là quả Tư-đà-hàm? Nghĩa là ba kết lìa diệt và dục sân, si mỏng, yếu. Gì là quả A-na-hàm? Nghĩa là lìa diệt năm kết phần dưới, do đạo vô lưu, lìa năm diệt dẫn đến đắc, nên đạo này được duy trì. Do sức của đạo vô lưu, nên đến chết cũng không lùi mất. Thế nên, diệt này như lý nên thành quả Sa-môn-nhã. Đây là thuyết trước đã nói, gọi là quả Sa-môn-nhã.

Lại nữa, Kệ này nói:

*Bà-la-môn Phạm Luân
Vì nói Phạm này chuyển.*

Giải thích: Do khả năng trừ sạch các hoặc, nên gọi là Bà-la-môn,

hoặc gọi là Phạm luân, vì do Phạm chuyển, nên tương ứng với pháp Phạm vô thượng, nói Phật Thế Tôn gọi là Phù-lam-ma, như trong kinh nói: Thế Tôn là Phù-lam-ma, tỉnh lặng như đây, trong mát như đây (nói rộng như kinh). Do vậy, Phật, Thế Tôn được gọi là Phù-lam-ma. Luân này là luân của Phật, Thế Tôn, nên gọi là Phạm luân, vì chỉ có Phật, Thế Tôn đã chuyển.

Kệ nói: Pháp luân gọi là kiến đạo.

Giải thích: Luân là nghĩa gì? Vì nhân bánh xe này, nên được đi, do đó gọi là luân. Vì kiến đạo giống như bánh xe, nên nói pháp này gọi là luân.

Giống nhau là sao?

Kệ nói: Đi nhanh cùng nan hoa.

Giải thích: Do đi nhanh, thì giống như bánh xe. Do bỏ chỗ này đến chỗ kia, do chưa chế phục, có thể chế phục xong. Vì chế phục, trấn giữ khiến không mất, do từ dưới hướng lên trên, từ trên hướng xuống dưới và nghĩa đi nhanh v.v..., nên nói giống như bánh xe. Do nghĩa nan hoa v.v..., nghĩa là tám phần Thánh đạo. Nghĩa nan hoa này v.v... giống như bánh xe. Đại đức Cù Sa nói: Đây gọi là bánh xe. Chánh kiến, chánh giác, chánh tiến, chánh niệm: Bốn pháp này giống như nan hoa. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng: Ba pháp này giống như bầu xe. Chánh định, một pháp này giống như vành bánh xe. Thế nên, kiến đạo gọi là pháp luân, lập kiến đạo này là pháp gọi là pháp luân.

Lấy pháp nào làm chứng?

Đối với Thánh, là lúc Kiều Trần Như sinh kiến đạo. Do thuyết nói Đức Thế Tôn đã chuyển pháp luân nên lấy làm chứng.

Thế nào là ba chuyển, mười hai tướng?

Pháp này là khổ Thánh đế. Đế này tất nhiên, nên biết, pháp này đã biết. Ba lần chuyển như thế, ở trong mỗi một lần chuyển, pháp nhân thành, trí thành, minh thành, tuệ thành.

Ba chuyển như đây và bốn tướng, mỗi đế đều có. Do đồng với ba và mười hai, nên nói ba chuyển, mười hai tướng. Ví như nói thông, tuệ đối với hai xứ, bảy xứ. Do chuyển này, nên kiến đạo, tu đạo, Vô học đạo, như số đã thể hiện rõ.

Sư Tỳ-bà-sa nói thế này: Nếu chấp như vậy không chỉ kiến đạo có ba chuyển, mười hai tướng, làm sao an lập đây là pháp luân?

Pháp môn này vốn gọi là pháp luân, Trong đây có đủ ba chuyển, mười hai tướng.

Nếu vậy, thế nào là ba chuyển?

Ở trong đó, ba lần chuyển bốn đế.

Thế nào là mười hai tướng?

Ba lần tư duy về bốn Thánh đế, nghĩa là pháp này gọi là khổ, tập, diệt, và đạo Thánh đế. Pháp này tất nhiên nên biết, tất nhiên nên diệt, tất nhiên nên chứng, tất nhiên nên tu. Pháp này đã biết, đã diệt, đã chứng, đã tu.

Thế nào gọi là chuyển?

Do hạnh độ tha nối tiếp nhau, sao cho chúng sinh kia hiểu được nghĩa này.

Lại nữa, tất cả Thánh đạo đều là pháp luân. Do công năng thực hiện hóa độ nơi đệ tử nối tiếp nhau, nên pháp này được nối tiếp nhau với người khác. Vì do sinh kiến đạo, nên tuy được chuyển, nói là đã chuyển.

Lại nữa, ở trong cõi nào được bao nhiêu quả Sa-môn-nhã?

Kệ nói: Dục ba, sau ba cõi.

Giải thích: Chỉ được ba quả trong cõi Dục. Ở cõi khác không có Sa-môn-nhã ở sau cùng. Nghĩa là A-la-hán. Quả này được chung ở ba cõi. Đây là hai quả trước. Vì người chưa lìa dục đã được, nên ở cõi trên không được. Nghĩa này hợp lý.

Sao quả thứ ba, ở cõi trên không nên được?

Kệ nói: Cõi trên không kiến đạo.

Giải thích: Ở trên cõi Dục không có kiến đạo. Nếu người đã được lìa dục, lìa đạo này, dẫn đến chứng đắc quả A-na-hàm, thì không có lý ấy. Do nghĩa đó, thế nên, chỉ ở cõi Dục mới có ba quả. Do nhân gì ở địa trên, không có kiến đạo. Ở cõi Vô sắc vì không có việc nghe chánh pháp nên không thể duyên nơi cảnh giới nơi cõi dưới thành thử không có kiến đạo trong cõi Sắc.

Kệ nói:

Không chán, nên đây tạo

Kinh nói cứu cánh kia.

Giải thích: Phạm phu nơi cõi Sắc, do vướng mắc ái niệm vui của Tam-ma-bạt đề, vì do không có khổ thọ, nên không sinh tâm chán bỏ ác. Nếu lìa chán ác, thì sẽ không có đạo lý riêng lẻ nào có thể dẫn sinh Thánh đạo như thế v.v... Điều này căn cứ vào đạo lý, cũng như kinh A-hàm để chứng minh.

Kinh nói có năm người tạo tác ở đây, đạt cứu cánh ở kia.

Những gì là năm?

Từ trung diệt, cho đến thượng lưu. Tạo tác, nghĩa là đầu tiên phát

tu kiến đạo, là chánh phương tiện của Niết-bàn. Cứu cánh nghĩa là dẫn đến chứng đắc quả A-la-hán. Do kinh này, nên biết ở cõi trên không có kiến đạo (trước đây đã nói). Nếu A-la-hán của pháp không hư hoại, sau Tận trí, tất nhiên sinh Vô sinh trí.

A-la-hán có khác biệt không?

Nói có.

Kệ nói: A-la-hán có sáu loại.

Giải thích: Ở trong kinh nói: A-la-hán có sáu tánh:

1. Pháp rơi xuống, lùì lại.
2. Pháp tự hại.
3. Pháp giữ gìn.
4. Pháp trụ không lay động.
5. Pháp thông đạt, ứng hợp.
6. Pháp không hư hoại.

Kệ nói: Tánh năm tìn, lạc trước.

Giải thích: Trừ một người của pháp không hư hoại, năm người còn lại, tin ưa được xem là ưu tiên.

Kệ nói: Người thoát, dựa thời ái.

Giải thích: Năm người này nên biết, sự giải thoát của họ dựa vào thời gian được thành và luôn giữ gìn, những gì yêu thích nhất thế nên nói người A-la-hán kia có thời giải thoát. Lúc A-la-hán kia quán, tức được giải thoát. Do trừ chữ “quán”, nên nói “thời giải thoát”. Ví như váng sữa đựng trong bình. Vì sao? Vì người kia tu-Tam-ma-đề hiện tiền, tất nhiên, lúc quán, lúc thành. Nghĩa là thời điểm mạng duyên nơi trú xứ không có bệnh. Nếu quán thời điểm này, tất cả đều cùng thành giải thoát.

Kệ nói: Pháp bất hoại không hoại.

Giải thích: Nếu A-la-hán không hư hoại đã được giải thoát, thì luôn trở thành không hoại, vì do không có lùì lại rơi rớt.

Kệ nói: Nên phi thời giải thoát.

Giải thích: Thế nên, nói người này không dựa vào thời gian để giải thoát. Vì sao? Vì người này lúc không quán, luôn giải thoát như ý, vì có khả năng tu tập Tam-ma-đề hiện tiền.

Lại nữa, vì do tạm thời hoặc vĩnh viễn thời giải thoát, nên gọi người kia là có thời giải thoát và không vô thời giải thoát, do có nghĩa lùì mất và không lùì mất.

Kệ nói: Đây trước, kiến đế loại?

Giải thích: A-la-hán của pháp không hư hoại này, ở trong vị Học,

nên biết kiến đế là tánh.

Sáu A-la-hán này là từ đầu tiên có sáu tánh hay là về sau mới được sáu tánh?

Kệ nói:

*Có khác vốn được tánh
Có khác luyện căn được.*

Giải thích: Có người từ đầu vốn do lui lại, rơi rớt làm tánh, có người từ đầu do tự hại làm tánh. Tánh còn lại cũng vậy.

Lại nữa, có người trước lui pháp làm tánh. Về sau, do tu hành luyện căn, lại tiến tới được tự hại pháp làm tánh, cho đến tiến tới được không hủy hoại pháp làm tánh. Do vậy nên biết cũng thế.

Ở đây, lui lại pháp rơi đọa: Nếu người nhất định từ pháp mình đã được, lui lại rơi đọa, thì sẽ không thể được pháp tự hại làm tánh. Pháp tự hại, nghĩa là nếu người nhất định nên sát hại thân mình. Giữ gìn pháp là người tùy thuộc điều mình đã được, nhất định nên gìn giữ.

Pháp trụ không lay động: Nếu người lìa khỏi nhân duyên lui lại rơi đọa rất mạnh mẽ, mặc dù không luôn giữ gìn nhưng quyết định nên trụ ở chỗ đã đạt được không lay động. Vì không lui lại rơi đọa, vì lìa gia hạnh, nên không được tăng tiến.

Pháp thông đạt: Nếu người vào thời gian sau, nhất định thông suốt, do không hủy hoại làm tánh. Pháp không hủy hoại, nghĩa là người nhất định không như người trước kia có lui lại rơi đọa. Hai người trước ở trong địa vị Hữu học, không có thường xuyên tu và tôn trọng tu, chỉ căn có khác. Người thứ ba, luôn tu gia hạnh, căn chậm lụt. Người thứ tư, luôn tu gia hạnh, căn nhạy bén. Người thứ năm đủ hai pháp tu, chỉ căn chậm lụt. Người thứ sáu đủ hai pháp tu, tuệ căn rất nhạy bén. Người thứ nhất thoái chuyển pháp, không nhất định phải có thoái chuyển, cho đến người của pháp thông đạt, không phải nhất định nên thông đạt. Pháp không hủy hoại chỉ căn cứ ở nghĩa hữu (cõi) nên nói tên này. Nếu người chấp như đây: Ở trong ba cõi đều đủ sáu A-la-hán. Nghĩa này không mâu thuẫn. Nếu người chấp như kia, trong cõi Dục có sáu A-la-hán, cõi Sắc, Vô sắc chỉ có hai. Nghĩa là pháp trụ không lay động và pháp không hư hoại. Hai người này lại lui lại tự hại, tu hành luyện căn, thì việc này không có.

Trong sáu người này, người nào được lui lại? Từ pháp lui lại hay là từ quả, hay là từ tánh?

Kệ nói:

Tánh lui lại có bốn

Quả lùi lại có năm.

Giải thích: Bốn người tự hại v.v... từ tánh lùi lại. Vì sao? Người của pháp lùi lại, rơi đọa, không có từ tự tánh lùi lại, rơi đọa. Năm người của pháp lùi lại rơi đọa v.v..., đều từ quả lùi lại. Năm người này dù lùi lại.

Kệ nói: Không phải trước.

Giải thích: Nếu người trước đó đã được tánh, thì người này sẽ không từ tánh này lùi lại. Do đạo Hữu học, Vô học đã thành tựu, khiến cho chắc thật. Nếu là tánh Hữu học, thì đạo thế, xuất thế đã thành tựu cũng không có lùi lại. Do tu hành luyện căn, về sau tánh đã được thì tánh này có lùi lại. Nếu người đạt được sơ quả thì người này sẽ từ sơ quả không có lùi lại, từ quả khác thì có thể lùi lại. Thế nên, từ quả Tu-đà-hoàn không có lùi lại, rơi đọa. Nếu tạo ra chấp như vậy thì pháp lùi lại sẽ có ba người:

1. Ở trong tánh thoái đọa, nhập Niết-bàn.
2. Tánh do tu luyện căn được, lùi lại.
3. Lùi lại rơi vào hàng Hữu học.

Tự hại có bốn. Ba người như trước đã nói. Người thứ tư, trở lại tánh lùi lại. Như đây, ba người khác tăng mỗi một phẩm. Như thứ lớp nên biết, thành năm, sáu, bảy người, là tánh vốn đã được. Nếu lùi lại, thì sẽ trở thành hàng Hữu học. Ở đó được trụ không trụ tánh khác. Nếu không như vậy, thì do được tánh tăng trưởng, chuyển tăng không thành lùi lại.

Lại, nhân của hữu gì từ sơ quả không lùi lại.

Kệ nói: Vì kiến hoặc không loại.

Giải thích: Không loại là sao? Hoặc, đối tượng diệt của tất cả kiến đế, vì dựa vào ngã sinh khởi. Vì hoặc kia lấy thân kiến làm căn bản. Hoặc này đã dựa vào ngã, nhất định vĩnh viễn không có nên nói không có loại.

Nếu vậy, hoặc kia lẽ ra phải thành duyên nơi cảnh vô vi, hay không phải duyên nơi cảnh vô vi?

Vì duyên để làm cảnh, nên ở trong đế, không như phân biệt làm cảnh.

Nếu thế, tại sao hoặc hoặc nào không thể như vậy, để có sai biệt? Vì sao? Vì ngã kiến đối với loại sắc v.v..., do sự tạo tác sự thọ nhận, sự tự tại, vì phân biệt, nên tăng ích, không phải thật có tánh ngã khởi đều lấy thân kiến làm chỗ nương dựa, hoặc biên kiến v.v... còn lại sinh khởi. Thế nên nói vô loại. Hoặc, đối tượng diệt của tu đạo, dục, sân, mạn,

vô minh. Ái tăng thượng ở trong loại sắc v.v... khởi, lấy không hiểu rõ làm tự tánh sinh khởi. Thế nên nói có loại. Vì sao? Vì hoặc kia có cảnh tịnh vi tế v.v... Do duyên nơi cảnh này, nên thân kiến kia được khởi ngã v.v... đều không có lẽ mờ.

Lại nữa, hoặc, đối tượng diệt của tu đạo, có hoại cảnh, và mỗi cảnh đều tương đối. Nghĩa là đáng yêu, không đáng yêu v.v..., hoặc, là đối tượng diệt của tất cả kiến đế, đều chung lấy tướng ngã làm cảnh v.v... Thế nên, không có mỗi loại cảnh tương đối.

Lại nữa, cảnh nơi đối tượng duyên của kiến đạo, nghĩa là vô thường, khổ, vô ngã, không, vì một chân thật là có, nên không phải là đối tượng duyên của đạo thế gian, nên đối với sự sinh tử vô thủy, vì trước kia chưa từng được chứng kiến, thế nên sơ quả không Có sự việc lùi lại.

Lại nữa, nếu Thánh nhân không chí tâm quán sát, do niệm niệm quên mất, thì hoặc của tu đạo liền khởi. Ngược lại, nếu chí tâm quán sát, tất nhiên hoặc sẽ không được khởi. Ví như đối với sợi dây, khởi tướng là con rắn, giống như người không chí tâm quán sát. Hoặc của ngã kiến v.v... sẽ không thể sinh khởi, vì các nhận thức do hiểu rõ, sáng suốt, quyết định, đo lường. Thế nên, Thánh nhân từ hoặc do kiến đế, nên không có nghĩa lùi lại.

Sư Kinh bộ thuyết minh: Từ quả A-la-hán, không có nghĩa lùi lại. Nghĩa này chân thật hợp lý.

Làm sao có thể biết.

Do kinh A-hàm và đạo lý. Trong đây nói? kinh A Hàm nói: Tỳ-kheo! Đây là diệt chân thật, nếu diệt ấy do chánh trí.

Lại nữa.

Kệ nói: Nói việc không phóng dật.

Giải thích: Kinh nói: Người Hữu học, ở trong chỗ không có phóng dật, ta quyết định nói có việc không phóng dật. Đối với A-la-hán, ta không nói. Nếu ông nói, đối với A-la-hán, cũng có việc không phóng dật. Như kinh nói: A Nan ! Đối với người A-la-hán, những việc như lợi dưỡng, ngợi khen v.v..., ta nói cũng có thể làm chướng ngại. Nghĩa này không hợp lý, vì lẽ kinh này nói sự lùi lại, chỉ nói từ trụ yên nơi hiện pháp lùi lại, là tâm không hư hoại, giải thoát, là thân xưa nay đã chứng. Ta nói từ thân này, không nhân của hữu duyên riêng nào có thể làm cho A-la-hán lùi lại, rơi đạo. Nếu ông nói từ dựa vào thời gian giải thoát có lùi lại, thì nghĩa này có thể có do chúng ta cũng nói như thế này: Đây là căn cứ ở nghĩa của thời gian giải thoát. Chính vì vậy, nên cần phải tư

duy, xét lường, xem là A-la-hán hay là chín định? Hay là định căn bản? Và Tam-ma-đề căn bản?

Làm sao biết được vì dựa vào thời gian hiện tiền, nên nói là dựa vào thời gian giải thoát? Vì trụ yên vui ở hiện đời, vì thường thường đã tìm tòi, tu tập, nên nói là đối tượng bị tham ái.

Có sư khác nói: Vì là thích hợp với vị đã ăn, nên nói là đối tượng bị tham ái. Vì sự giải thoát của A-la-hán, luôn theo đuổi nên không thể cho là dựa vào thời gian, nên không phải là đối tượng của ái, nên không thể lập làm đối tượng bị tham ái. Nếu từ quả A-la-hán có rơi rớt, lùi lại thì về lý thế nào?

Phật Thế Tôn nói: Chỉ xuất phát từ dựa vào tâm, học trụ yên vui nơi hiện đời thì có lùi lại.

Thế nên, phải biết nghĩa này. Nghĩa là tất cả sự giải thoát của A-la-hán, tất nhiên là pháp không hủy hoại. Từ trụ yên vui nơi hiện đời, A-la-hán có lùi lại. Do lợi dưỡng, sự ca ngợi v.v..., vì tâm tán loạn, vì lẽ sự tự tại bị lùi mất, vì do căn chậm lụt. Tuy nhiên, có người cũng không lùi lại, nếu người có căn nhạy bén. Trong trường hợp này, nếu Có sự lùi lại, thì nói là A-la-hán có pháp thoái chuyển. Nếu không lùi lại, gọi là A-la-hán của pháp bất thoái. Về nghĩa của pháp v.v... tự tại, nên tư duy như đây.

Trụ pháp bất thoái, pháp bất hoại, pháp bất động, ba người này có khác biệt gì nhau không?

Người của pháp bất thoái, không phải do rèn luyện căn mà đạt đến.

Người của pháp bất hoại, do duyên căn đạt đến, Hai người này phụ thuộc vào pháp mình đã tu mà Có sự khác biệt của Tam-ma-bạt-đề. Từ đây, không Có sự rơi rớt lùi lại.

Người trụ bất động, tùy thuộc trụ ở trong công đức mà mình đã tu hoạch được. Từ công đức này, nhất định bất thoái, cũng không tinh tiến sinh công đức khác. Nếu sinh công đức khác, thì từ đây sẽ được khởi động. Như đây, nên biết sự khác biệt giữa ba người.

Kệ nói: Thời giải thoát Cù-đề.

Giải thích: Tịnh mạng Cù-đề-kha ở trong vị học, vì do thường thường tham đắm vị định, vì lẽ căn chậm lụt, nên từ dựa vào thời giải thoát rơi lùi lại, sinh tâm lo lắng, ăn năn, muốn bỏ thân mạng, cầm gậy tự hại. Khi sắp chết, chứng được A-la-hán, liền nhập Niết-bàn. Thế nên, Cù-đề-kha không phải là quả A-la-hán thoái lui. Trong kinh Thập Tăng nói lời này: Có một pháp nhất định phải sinh, nghĩa là tâm giải

thoát dựa vào thời gian đã yêu thích. Lại có một pháp nhất định phải chứng, nghĩa là pháp không hủy hoại tâm giải thoát, là quả A-la-hán.

Tạo ra hai lần ở trong mười để nói là sao? Ở chỗ khác, không từng nghe nói sau A-la-hán lại còn phải sinh? Văn thế nào nhất định có thể chứng minh?

Như ông nói: Quả A-la-hán thuộc về căn chậm lụt, tất nhiên phải sinh lại.

Văn kinh này muốn chứng minh nghĩa gì?

Nếu ông nói: Muốn biểu thị rõ về quả sinh, vì có công năng, nên dùng văn này để làm chứng.

Nếu vậy, đối với quả khác, cũng có thể lấy văn này làm chứng. Nếu ông nói: Vì quả này ứng với sự sinh, nên nói ứng sinh. Quả khác rất cần phải sinh thế nên dựa vào thời giải thoát, không phải là A-la-hán.

Nếu người A-la-hán vì do căn chậm lụt, nên hiện tiền một thứ quán khi tu một thứ Tam-ma-đề để được thành, nói đây là vì dựa vào thời giải thoát. Trái với đây là phi thời giải thoát.

Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Có do ba thứ dục tùy miên của cõi Dục sinh khởi tâm trên. Những gì là ba?

1. Dục tùy miên của cõi Dục chưa được lìa diệt.
2. Tùy thuộc pháp dục nơi tâm trên của cõi Dục, đối với căn hiện tiền.
3. Ở trong đó khởi tư duy không như.

Ông nói văn này vì dựa vào đủ nhân đã sinh hoặc nên nói. Vậy, hoặc nào do không đủ nhân vẫn được sinh?

Căn cứ nơi kinh A-hàm để chứng minh nghĩa không lìa.

Như đây, làm sao do đạo lý, nếu người A-la-hán đủ được đối trị như vậy?

Do tất cả hoặc. này dẫn đến có thể vĩnh viễn không sinh là pháp.

Sao lại thoái lui? Nếu đối trị này chưa sinh thì làm sao là các lưu được tận.

Do chưa vĩnh viễn nhổ sạch chủng tử hoặc, sinh lại là pháp.

Nếu lưu chưa được tận trừ làm sao gọi là A-la-hán?

Dựa vào đạo lý để chứng minh nghĩa bất thoái như đây.

Kệ nói: Đống lửa ví cho sự lìa lại.

Giải thích: Nếu vậy thì kinh thí dụ cho đống lửa, ông nên sửa lại.

Kinh này nói: Đệ tử Thánh học rộng, đi như đây, đứng như vậy, có thời gian, có xứ sở. Vì do sự nhớ nghĩ quên mất, nên lại sinh ác, không thích ứng với tuệ quán biết. Nghĩa ấy không hợp lý. Vì sao? Vì trong văn này

không định rõ về A-la-hán.

Làm sao biết được?

Do kinh này nói: Tâm A-la-hán quy hướng về nẻo không tịch trong thời gian dài, cho đến nhập Niết-bàn. Do lời nói này, nên biết trước kia không phải chứng. Lại, trong kinh khác nói: A-la-hán có diệu lực như thế, do các pháp của tất cả xứ lưu hành A-la-hán luôn lúc nào cũng mát mẻ, luôn lúc nào cũng tĩnh lặng. Vì do lời nói này, nên trước kia không phải là chứng. Có lời nói như thế, cho đến chưa lìa bỏ nẻo hành.

Nếu vậy, người Hữu học ở trong hạnh, cũng có nghĩa này. Kinh nêu thí dụ về đồng lửa ở trong hoặc sinh. Vì do căn cứ ở bậc Hữu học để nói, nên đối với A-la-hán không có lỗi lầm như đây. Sư Tỳ-bà-sa nói: Các người A-la-hán đều từ quả có thể lui lại. Vì chỉ A-la-hán có sáu tánh, người khác cũng có.

Kệ nói: Phạm người tu học có sáu tánh.

Giải thích: Không chỉ A-la-hán có sáu tánh, phạm phu và người Hữu học đều có sáu tánh. Vì sao? Vì sáu tánh của A-la-hán này, lấy thứ tự nơi sáu tánh kia làm trước.

Lại nữa.

Kệ Nói: Kiến đạo không luyện căn.

Giải thích: Ở chỗ khác với kiến đạo, có tu hành luyện căn. Ở trong kiến đạo thì không có. Vì tu gia hạnh không kịp nên có người trong hàng phạm phu, tu vượt qua căn khác, có người ở trong hành vị được tin ưa, tu hành luyện căn. Trong kinh nói: Người này có được bốn thứ dựa vào tâm, trụ yên vui nơi hiện pháp. Từ đây, tùy thuộc một ta nói có đắc rơi rớt lui lại, là giải thích của tâm không hủy hoại. Chỉ một vị A-la-hán, mà xưa nay thân đã chứng, ta nói không nhân của hữu duyên nào khác để có thể khiến A-la-hán từ đây rơi rớt lui lại.

Thế nào A-la-hán của pháp không hủy hoại từ trụ yên vui nơi hiện đời mà được lui lại?

Kệ nói:

Thoái đạo có ba thứ

Đã được, dụng chưa được.

Giải thích: Đã được lui lại, nghĩa là người từ công đức đã được thoái lui. Chưa được thoái, nghĩa là nếu người không thể được, những công đức cần được. Thọ dụng thoái, nghĩa là người đã được công đức, không khiến hiện tiền tức trong ba thứ thoái chuyển này.

Kệ nói:

Sau cùng, Phật không hoại

Trung gian khác có ba.

Giải thích: Phật, Thế Tôn chỉ có nơi thọ dụng sự thoái lui không còn, do Như Lai hoàn toàn thực hiện việc ích lợi cho người khác. A-la-hán của pháp không hủy hoại, có lùi lại của thọ dụng và lùi lại của chưa được nghĩ a là từ sự khác biệt của pháp, nhân thù thắng chưa đạt đến chứng đắc. Các A-la-hán khác có đủ hai sự lùi lại: Thọ dụng, chưa được. Hai sự việc này có thể biết, do kinh căn cứ ở chỗ lùi lại nơi thọ dụng, để thuyết minh pháp thoái chuyển lập pháp không hủy hoại nơi A-la-hán bất thoái. Điều này không trái với kinh. Thế nên, tất cả giải thoát vô lưu đều không thể hủy hoại. Như đã nói, an lập nghĩa A-la-hán của pháp không hư hoại. Nghĩa này là Như, chẳng phải là không Như. Thế nên, nghĩa này không thể vấn nạn, nghĩa là các A-la-hán, đều lấy sự không hủy hoại làm pháp. Đây gọi là làm rõ nghĩa không hư hoại.

Lại nữa, như Tỳ-bà-sa nói: Nếu có A-la-hán thoái chuyển nơi quả A-la-hán, thì A-la-hán này, còn thọ sinh hay không? Làm sao biết được?

Kệ nói: Vị thoái chuyển không chết.

Giải thích: Không có một người nào từ quả Thánh lùi lại ở trong hàng thoái chuyển xả mạng. Vì sao? Vì như kinh nói: Tỳ-kheo! Đệ tử bậc Thánh, nếu quên mất sự nhớ nghĩ thì đều chậm trễ. Dù vậy, nhưng nếu diệt sự quên mất thì sẽ nhanh chóng được diệt tận. Do kinh nói thế, nên không có nghĩa chết. Nếu không như vậy, thì chánh phàm hạnh này chẳng có thể nghỉ ngơi, yên ổn.

Nếu người từ quả này thoái chuyển, là quả xưa kia đã trụ, không phải là việc đã tạo ra, thì có tạo nữa không?

Kệ nói: Không tạo, không phải chỗ tạo.

Giải thích: Nếu người đã lùi lại, không còn tạo tác nữa, sẽ là việc mâu thuẫn với quả trước kia. Ví như người tráng kiện, dù có trượt ngã, chân cũng không bị khập khễnh.

Nếu người tu hành luyện căn sẽ có bao nhiêu đạo vô gián và đạo giải thoát?

Kệ nói:

Vô gián, giải thoát chín

Nên không có hủy hoại.

Giải thích: Nếu người cầu tánh thông đạt pháp không hủy hoại, thì sở tu của mười pháp, thông đạt ấy có chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát. Ví như người cầu chứng đắc quả A-la-hán với đạo giải thoát, vô gián.

Vì sao như thế?

Là tánh của căn yếu kém.

Kệ nói: Do sự việc lâu dài.

Giải thích: Người này thường xuyên tu tập tánh của căn yếu kém trong thời gian dài. Căn này do công dụng của phần ít, nên không thể xoay chuyển. Do đạo Hữu học, Vô học đã trở thành chắc thật.

Kệ nói: Ở kiến chí một một.

Giải thích: Nếu người muốn thông đạt tánh của kiến chí, tu đạo vô gián chỉ một thứ, đạo giải thoát cũng một thứ, trong đó, đạo phương tiện cũng có một thứ. Tất cả ấy là đạo vô gián, đạo giải thoát.

Kệ nói: Vô lưu.

Giải thích: Vì sao? Do đạo hữu lưu tu luyện căn hành thì không có lý này. Vì căn vô lưu chuyển, nên cảnh thuộc đối tượng được duyên của đạo đều là chân như.

Căn của xứ nào có thể rèn luyện, khiến tăng tiến.

Kệ nói: Tăng tiến ở cõi người.

Giải thích: Trong cõi người, được tu hành rèn luyện căn, ở xứ khác thì không có, vì không thoái chuyển.

Lại nữa, người nào dựa vào địa nào được tu hành luyện căn?

Kệ nói:

Vô học dựa chín địa

Hữu học chỉ dựa sáu.

Giải thích: Nếu người là hàng Vô học, nương dựa nơi chín địa, tu hành luyện căn. Nghĩa là định chưa đến, định trung gian, bốn định ở cõi Sắc và ba định ở cõi Vô sắc. Nếu người Hữu học, thì dựa vào sáu địa, tu hành rèn luyện căn, là ba định ở cõi Vô sắc. Vì sao? Vì do nghĩa này.

Kệ nói:

Xả quả, có khác biệt

Được đạo quả hơn, tăng.

Giải thích: Nếu người tu hành luyện căn, là đã xả bỏ quả và quả nơi đạo của căn hơn kém, tức được quả của tánh nơi căn nhạy bén và đạo, không có quả A-na-hàm là thuộc về cõi Vô sắc. Do nhân này, nên hàng Hữu học ở cõi Vô sắc không có hạnh rèn luyện căn. Thế nên, tất cả A-la-hán chỉ có chín người, vì do sự khác biệt của căn.

Vì sao như thế.

Kệ nói:

Hai Phật, Thanh văn bảy

Có chín do chín căn.

Giải thích: Những ai là bảy Thanh văn? Người của pháp thoát chuyển có năm. Người của pháp không hủy hoại có hai:

1. Do luyện căn mà đạt được.
2. Từ gốc.

Đây là pháp tánh không hủy hoại. Đối với nguồn gốc, Có sự khác biệt trong tánh không hủy hoại. Nghĩa là hai Phật: 1. Độc giác. 2. Đại chánh giác. Chín người này do sự khác biệt của căn yếu kém thượng v.v..., yếu kém trung v.v..., nên trở thành yếu kém, yếu kém. Thế nên thành chín A-la-hán. Tất cả Thánh nhân chỉ có bảy người. Nghĩa là do hạnh tín tùy, do hạnh pháp tùy. Tín ưa thích, đạt kiến chí, thân chứng tuệ giải thoát, hai phần giải thoát. Tất cả bảy người đều như thế.

Kệ nói:

*Căn gia hạnh diệt định
Hai giải thoát thành bảy.*

Giải thích: Nếu do gia hạnh thành hai người, nghĩa là do hạnh tín tùy, do hạnh pháp tùy. Trước kia, do tín thọ giáo của người khác và do pháp tu hành. Đối với nghĩa, tu gia hạnh. Hoặc do căn thành của hai người, nghĩa là tin ưa được kiến. Do vì căn nhạy bén, vững chắc, chậm lụt kém yếu, nên:

*Do tin ưa trội hơn.
Do trí tuệ trội hơn.*

Nếu do Tam-ma-bạt đề thành một người, nghĩa là thân chứng, do thân chứng, nên tâm định tĩnh diệt. Nếu do giải thoát thành hai người, nghĩa là tuệ giải thoát, hai phần giải thoát. Do định và tuệ giải thoát khỏi chướng của hoặc và chướng của định, nên người này trở thành bảy hạng.

Kệ nói:

*Hoặc nói sáu hạng người
Người ba đạo song hành.*

Giải thích: Nếu do thật nghĩa thì chỉ có sáu người. Vì sao? Vì ở trong kiến đạo có hai người, nghĩa là do hạnh tín tùy, do hạnh pháp tùy. Hai người này nếu ở trong tu đạo sẽ trở thành hai người riêng, tức là tin ưa được kiến chí. Hai người này nếu ở trong đạo Vô học sẽ trở thành hai người riêng, tức thời giải thoát, phi thời giải thoát. Trong ấy, nếu do sự sai biệt của căn, do người của hạnh tín tùy trở thành ba người. Nếu do tánh, lại trở thành năm người, nếu do đạo trở thành mười lăm người tức trụ ở tám Nhẫn và bảy trí. Nếu do lìa dục thì trở thành bảy mươi ba người.

Một là người bị ràng buộc đủ. Đối với cõi Dục, lia dục có chín người. Cho đến xứ Vô sắc, vô sở hữu, lia dục đều có chín người. Do dựa vào xứ của chín địa, nghĩa là ba châu và sáu trời cõi Dục. Do đạo của căn tánh lia dục dựa nơi xứ, hợp số thành một trăm ngàn, bốn mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi lăm người. Các Thánh nhân còn lại, như nghĩa và lý, nên như số lượng này.

Danh đã nói: Ở đây là hai phẩm giải thoát. Đây là người nào? Tuệ giải thoát lại là người nào?

Kệ nói:

Được diệt định, đều thoát

Người khác, tuệ giải thoát.

Giải thích: Nếu người trước được định diệt tâm, sau ở Vô học, gọi là hai phần giải thoát. Do Bát-nhã và Tam-ma-đề giải thoát khỏi chướng của hoặc và chướng của tám giải thoát, pháp chỉ do sức của Bát-nhã. Vì hoàn toàn giải thoát khỏi chướng của hoặc, Phật - Thế Tôn đã nói kệ:

Nếu xả năm kết này

Học đủ pháp không hoại.

Có bao nhiêu số lượng người này thành tựu đủ phần Hữu học?

Kệ nói:

Vì do quả định căn

Nói học đủ viên mãn.

Giải thích: Người Hữu học do ba nghĩa, nên gọi là học đủ.

1. Do quả.
2. Do căn.
3. Do Tam-ma-bạt-đề (Chánh định hiện tiền).

Chỉ do quả, nghĩa là người tin ưa được A-na-hàm, không phải thân chứng.

Chỉ do căn, nghĩa là kiến chí chưa lia dục. Do quả, do căn, nghĩa là kiến chí, A-na-hàm chưa được thân chứng. Do quả do Tam-ma-đề: Nghĩa là tin ưa đạt quả A-na-hàm xong, được thân chứng. Do căn, quả, Tam-ma-bạt-đề, không do quả mà người Hữu học gồm đủ thì không có lý này.

Kệ nói: Vô học, viên mãn đức do hai.

Giải thích: Vô học viên mãn: Chỉ do hai thứ: Một là do căn, hai là do Tam-ma-đề. Nếu quả chưa viên mãn mà thành bậc Vô học, thì không có lý này. Thế nên, ở quả không luận viên mãn, không viên mãn mà chỉ do căn viên mãn. Không do Tam ma bạt đề, nghĩa là phi thời

giải thoát nơi người tuệ giải thoát hoặc chỉ do Tam-ma-đề viên mãn. Không do căn, nghĩa là dựa vào thời giải thoát nơi người của hai phần giải thoát. Do căn và viên mãn Tam-ma-đề, nghĩa là phi thời giải thoát nơi người của hai phần giải thoát.

Sự khác biệt của đạo đã nói có nhiều thứ, nghĩa là đạo thế, kiến đạo, tu đạo, Vô học đạo. Hoặc nói đạo gia hạnh, đạo vô gián, đạo giải thoát, đạo tăng tiến v.v...

Nếu lược nói đạo này có bao nhiêu thứ?

Kệ nói:

*Lược nói về đạo này
Bốn gia hạnh, vô gián
Đạo tăng tiến, giải thoát.*

Giải thích: Đạo gia hạnh, nghĩa là nếu từ đạo này, đạo vô gián sinh. đạo vô gián: Nếu do đạo này có thể trừ diệt chướng của hoặc. Đạo giải thoát: Từ chỗ đã giải thoát, đạo vô gián đã diệt trừ chướng của hoặc. Tiếp theo sau, đạo đã sinh đầu tiên. Đạo tăng tiến: Từ sau đạo giải thoát đã sinh các đạo khác. Nghĩa là Tam-ma-đề chung nơi đạo luyện căn v.v... Bốn thứ này, vì sao gọi là đạo?

Do pháp này là con đường đưa đến Niết-bàn, nên gọi là đạo. Nếu người phát tâm hành theo con đường này, nhất định sẽ được đến Niết-bàn. Lại nữa, do người quán hành pháp này để tìm cầu

Niết-bàn, nên nói là đạo.

Sự tăng tiến giải thoát, sao gọi là đạo?

Là chủng loại của đạo ở trước, là do phẩm tối thượng. Vì do có thể khiến đạt đến hữu sau, nên nói phẩm trước là đạo sau. Vì do đầy là phương tiện để nhập Niết-bàn vô dư, nên bốn pháp này đều là đạo.

Lại nữa, đạo này có lúc nói là hành, vì do hành này mà đạt đến Niết-bàn. Hành này có bốn thứ. Như kinh nói: Có trí hành khổ chậm, có trí hành khổ mau, có trí hành an lạc chậm, có trí hành an lạc mau.

Trong đây.

Kệ nói: Dựa định hành an lạc.

Giải thích: Ở trong bốn định, bốn thứ đạo này, được gọi là hành an lạc. Do phần đầu tóm, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na dấy khởi bình đẳng, nên đạo này không do dụng công mà thành, nên gọi là hành an lạc.

Kệ nói: Hành khổ ở địa khác.

Giải thích: Ở địa khác, nghĩa là không phải trong chí định, định trung gian, định Vô sắc. Đạo này gọi là hành khổ, vì do phần không đầu tóm, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na không đủ và vì phải dùng công sức

lớn để thành, nên gọi là hành khổ.

Vì sao? Không phải chí định và định trung gian. Định này do Xa-ma-tha không đủ. Vì chưa đến sơ định và hai định, nên định Vô sắc do Tỳ-bát-xá-na không đủ, vì tâm nghĩ tưởng vi tế. Hành khổ, lạc này có hai thứ.

Kệ nói:

*Người căn kém trí chậm
Trí nhanh nhờ căn nhạy.*

Giải thích: Nếu người căn độn, hoặc hành an lạc, hoặc hành khổ thì hành này gọi là trí chậm. Nếu người căn nhạy bén, thì hành này gọi là trí nhanh chóng.

Lại nữa, vì ở trong hạnh này, trí thể hiện sự chậm chạp nên gọi là trí chậm. Trí nhanh chóng cũng thế.

Lại nữa, vì hạnh này là hạnh của người chậm chạp, nên gọi là trí chậm, trí nhanh cũng thế.

Lại nữa, đạo này hoặc gọi là trợ giác, pháp trợ giác có ba mươi bảy phẩm. Nghĩa là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần.

Trong đây.

Kệ nói: Hai trí tận, Vô sinh, Bồ-đề.

Giải thích: Trí tận, Vô sinh trí này, vì do sự khác biệt của con người, nên thành ba thứ Bồ-đề.

1. Bồ-đề của Thanh văn.
2. Bồ-đề của Độc giác.
3. Bồ-đề của Chánh biến vô thượng.

Vì do vô minh đã hoàn toàn bị tiêu diệt, đã là chủ thể giác ngộ nhạy bén, như thật và vì đã tạo tác nên không tạo tác nữa.

Kệ nói:

*Vì do thuận nơi đây
Ba mươi bảy trợ giác.*

Giải thích: Do pháp kia là Bồ-đề sinh phương tiện, sinh an trụ nơi thọ dụng, nên ba mươi bảy pháp được gọi là trợ giác.

Kệ nói: Do danh thật nghĩa mười.

Giải thích: Pháp trợ giác này, nếu do danh từ thì nói ba mươi bảy phẩm. Nếu do vật thật, thì gọi là tất cả pháp trợ Bồ-đề, tức chỉ có mười thứ.

Những gì là mười?

Kệ nói:

*Tín, tinh tiến, nhớ nghĩ
Tam-ma-đề, trí tuệ
Hỷ xả và khinh an
Và giới cùng với giác.*

Giải thích: Tín: Ở bảy xứ, tâm lắng sạch. Tinh tiến: Tâm dũng mãnh đối với cảnh giới. Niệm: Đối với cảnh tượng được duyên, tâm sáng suốt, không quên. Định: Đối với cảnh giới luôn nhất tâm tĩnh lặng. Tuệ: Hiểu đúng như lý. Hỷ: Tâm yên vui. Xả: Tâm không có dụng công. Khinh an: Thâm tâm tùy thuận vụ việc. Giới: Công năng quân bình thân, miệng. Giác: Khả năng tư duy, xét lường.

Mười thứ như đây, làm sao an lập ở bảy xứ?

Kệ nói:

*Tuệ cùng với niệm xứ
Tinh tiến gọi chánh cần
Như ý túc gọi định.*

Giải thích: Ở trong đó, bốn niệm xứ, chánh cần, như ý túc, thì trí tuệ, tinh tiến, định là tự tánh. Tiếp theo nói năm căn, như căn lực cũng vậy. Do chấp danh, nên có khác. Vì sao? Vì năm vật tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, là căn, tức là lực. Trong đó, niệm xứ, trạch pháp, giác phần, chánh kiến, tức là tuệ. Chánh cần, tinh tiến, giác phần, chánh tinh tiến, tức là tinh tiến. Như ý túc, định giác phần, chánh định tức là định, niệm giác phần, chánh niệm, tức là niệm.

Pháp nào là khác?

Hỷ, khinh an, xả, giác phần, chánh giác và giới phần, tất cả năm pháp này là khác. Pháp trợ giác như đây, chỉ có mười thứ. Nếu căn cứ ở chỗ chấp của sư Tỳ-bà-sa thì sẽ có mười một thứ: Hai nghiệp thân, miệng vì không chung nhau, thế nên, về phần giới, trở thành hai thứ. Về bốn niệm xứ v.v... đã ở trước thì trí tuệ, tinh tiến, định là tự tánh. Điều này trong đây nên biết.

Kệ nêu:

*Tùy chỗ trội lập danh
Tất cả gia hạnh đắc.*

Giải thích: Trong đó, vì do tùy nơi pháp trội hơn, nên gọi là tên như vậy. Tất cả pháp do gia hạnh đạt được, đều là niệm xứ, chánh cần, Như ý túc.

Sao nói là tinh tiến, chánh cần?

Do chánh cần kia có công năng an lập nghiệp nơi thân, miệng, ý khiến cho trội hơn.

Sao nói Tam-ma-đề là như ý túc?

Tất cả đức trội hơn, đều lấy Như ý túc kia làm chỗ nương dựa. Như có người nói: Chính Tam-ma-đề gọi là như ý túc. Nghĩa là dục v.v..., đối với người kia thì đạo phẩm thành mười ba thứ, vì tâm dục được nuôi lớn. Nếu chấp như đây, tức sẽ mâu thuẫn với kinh. Kinh nói: Tỳ-kheo! Nay ta sẽ vì ông nói về như ý và như ý túc. Cho đến nói: Những gì là như ý? Ở trong chánh pháp, có Tỳ-kheo chứng dụng nhiều thứ cảnh giới như ý. Nghĩa là gốc là một thứ, liền thành nhiều thứ (nói rộng như kinh).

Sao trước nói tên căn, sau gọi là lực?

Vì do sự khác biệt của hơn kém. Vì do cơ thể chế phục, trội hơn, không thể chế phục, trội hơn. Căn: Mặc dù tăng thượng ở trong tu quán, nhưng ở nơi bậc thấp kém, chỗ đối trị Hoặc có thể chế ngự, vượt hơn nên là căn, không phải là lực. Lực: Ở trong tu quán, địa vị trên vượt hơn, chỗ hoặc bị đối trị không thể trội hơn và vì bị khuất phục, nên là lực không phải căn.

Thế nào là lập thứ lớp?

Nếu người nào tin hạnh này sẽ có vượt trội hơn, vì mong cầu được quả ấy nên tu chánh cần. Nếu người nào luôn tu chánh cần thì nhớ nghĩ được trụ. Nếu người nào chuyên niệm về cảnh giới và vì tâm không tán loạn, tức sẽ được định. Nếu tâm được định thì sẽ thấy biết như thật. Nhân nghĩa như thế, nên lập theo thứ lớp.

Lại nữa, ở trong quả vị nào, pháp trợ Bồ-đề nào đã ứng hiện rõ?

Kệ nói:

*Đầu tiên là phát khởi các hạnh
Nơi phân quyết trạch đã phân biệt
Ở quả vị tu, quả vị kiến
Bảy bộ theo thứ lớp nên biết.*

Giải thích: Trong quả vị phát vị đầu tiên, vì gìn giữ thấu rõ cảnh giới của thân v.v..., thế nên, trước tu bốn niệm xứ. Do vì được tăng trưởng, trội hơn sinh trưởng, tinh tiến, nên ở quả vị Noãn tu chánh cần. Do có thể hội nhập, không nên lùi lại nơi thiện căn, nên ở quả vị Đảnh, tu bốn như ý túc. Vì lý do không còn tụt hậu nữa, nên tiến đến quả vị tăng thượng. Vì vậy, ở quả vị Nhẫn, tu năm căn, vì không phải hoặc có thể chế phục, trội hơn. Thế nên, ở quả vị Thế đệ nhất, tu năm lực. Lại, pháp khác của thế gian không thể chế phục, trội hơn. Vì lẽ tiếp cận phần vị Bồ-đề, nên ở trong tu đạo tu phần giác. Vì do phát khởi hạnh đã hiển bày nên ở trong kiến đạo tu Thánh đạo. Vì là tùy thuận nơi Thánh đạo kia và vì theo số thứ tự nên trước nói bảy thứ, sau nói tám thứ. Nếu

theo thứ lớp của tu thì trước tu tám phần, sau tu bảy phần. Trong ấy, phần giác trạch pháp: đây là giác cũng là phần giác. Chánh kiến là đạo, cũng là phần đạo. Sư Tỳ-bà-sa nói như vậy. Có sư khác không đả phá thứ lớp này, mà nói thứ lớp của pháp trợ giác. Thứ nhất là phát khởi hạnh: Vì chế phục đối với nhiều thứ cảnh giới, vì các trí tán loạn, riêng diên đảo, nên tu bốn niệm xứ. Bốn niệm xứ là quán về nơi chốn trôi buộc để tâm của người tu hành, diệt trừ tất cả sự việc dựa vào tham, phân biệt, nghĩ nhớ. Do kinh này nói, nên biết bốn niệm xứ là pháp hành đầu tiên. Vì do sức của niệm xứ, nên có thể sinh trưởng tinh tiến. Vì hoàn thành bốn sự, nên có năng lực an lập đúng nơi tâm khiến được trội hơn. Tiếp theo bốn niệm xứ là tu bốn chánh cần. Vì do chánh cần này, nên tâm luôn được an ổn, không Có sự lo lắng, hối hận và vì đối trị tâm thành Tam-ma-đề. Tiếp sau bốn chánh cần là tu bốn như ý túc. Do nương dựa nơi định các căn như tín v.v... trở thành duyên tăng thượng của pháp xuất thế. Nối tiếp bốn như ý túc là tu năm căn. Căn này rất có công năng chế phục các pháp bị đối trị, và khởi sự thực hiện do chính công năng của mình, tức là nhân cùng loại, vì có thể sinh ra pháp xuất thế. Tiếp theo năm căn là tu năm lực. Ở trong kiến đạo, tu giác phần, ở trong kiến đạo tu đạo thì tu Thánh đạo phần. Vì sao? Vì trong kinh nói lời này: Ở trong tám phần Thánh đạo, tất cả nên tu dẫn đến tu tập viên mãn. Nghĩa là tu bốn niệm xứ đạt được viên mãn, cho đến bảy phần giác, dốc tu viên mãn. Lại có kinh nói: Tỳ-kheo tuyên bày lời nói như thật nghĩa là quán bốn Thánh đế, ví như chính mình đã đi trên đường, thì phải hành hóa như đây. Đây là dụ cho tu tám phần Thánh đạo. Thế nên, phải biết, ở trong hai quả vị tu tám phần Thánh đạo. Các pháp này theo thứ lớp đều hoàn thành.

Đã thuyết minh về thứ lớp của các pháp đã xong. Nghĩa này, nay sẽ nói.

Ở trong pháp trợ giác, có bao nhiêu pháp là hữu lưu? Bao nhiêu pháp là vô lưu?

Kệ nói: Phần giác đạo vô lưu.

Giải thích: Do an lập nơi giác đạo vô lưu, nên phần giác, phần đạo ở trong kiến đạo, tu đạo, đều là vô lưu. Ở thế gian cũng có pháp Chánh kiến v.v..., pháp này không được mang tên là Thánh đạo.

Kệ nói: Pháp khác có hai thứ.

Giải thích: Pháp trợ giác khác có hữu lưu, có vô lưu.

Lại nữa, ở địa nào có bao nhiêu pháp trợ giác?

Kệ nói: Ở sơ định có đủ.

Giải thích: Ở trong địa của sơ định có đủ tất cả ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề.

Kệ nói: Không phải chế định, trừ hỷ.

Giải thích: Thế nào là không có hỷ? Vì uy lực nơi định của các phần gần đã duy trì, lại còn ngờ vực, sợ hãi đối với địa dưới chưa thôi dứt.

Kệ nói: Định thứ hai lìa giác.

Giải thích: Ở trong định thứ hai đã lìa phần giác chính nên chỉ có ba mươi sáu phẩm. Vì ở trong định thứ hai kia không có giác, quán.

Kệ nói: Đối với hai pháp, hai chỗ lìa.

Giải thích: Pháp trợ giác trong định thứ ba, thứ tư, hai pháp Hỷ, Giác đã lìa nên chỉ có ba mươi lăm phẩm.

Kệ nói: Và trung định.

Giải thích: Ở định trung gian, cũng có hai pháp đã lìa nên đồng với ba mươi lăm phẩm.

Kệ nói: Lìa giới, hai pháp trước, ba Vô sắc.

Giải thích: Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, hỷ giác chính ở cõi Vô sắc thứ ba đã lìa nên chỉ còn có ba mươi hai phần.

Kệ nói:

Lìa giác phần Thánh đạo

Ở cõi Dục, Hữu danh.

Giải thích: Ở hai xứ này, chỉ có hai mươi hai pháp Bồ-đề. Vì sao? Vì đối với hai xứ này, chẳng phải là vật dụng của đạo vô lưu.

Nếu con người đang ở trong địa vị quán về ba mươi bảy pháp trợ giác, thì nơi vị nào nên biết được tín tịnh của chánh giải?

Kệ nói:

Kiến ba đế được giới

Và tín, chánh giải pháp

Tin Phật ở kiến đạo

Và tin chúng đệ tử.

Giải thích: Nếu người nào có chánh kiến về khổ, tập, diệt Thánh đế thì người đó đối với pháp, sẽ được tín tịnh, hiểu biết thích đáng, và được giới mà bậc Thánh đã yêu thích. Do kiến đạo nơi Thánh đế, nên đối với Phật, Thế Tôn và chúng đệ tử Thánh, đều đạt được tín tịnh hiểu biết, biết chính đáng. Vì sao? Vì đối với hai Tín tịnh, hiểu biết chính đáng, đối với bậc Vô học có thể thành Phật. Riêng tín tịnh, hiểu biết chính đáng, được sinh trong pháp chứng đắc. Ở trong pháp Hữu học, Vô học có thể trở thành tăng sĩ sinh tín tịnh, hiểu biết chính đáng lại được

giới, và tín tịnh, hiểu biết chính đáng đối với pháp.

Kệ nói:

*Pháp, nghĩa là ba đế
Và Bồ-tát, Độc giác.*

Giải thích: Thế nên, nếu người chánh quán về bốn đế, đối với pháp, được tín tịnh, hiểu biết đúng. Pháp này do tín dựa vào xứ và vì sự khác biệt của tên gọi nên nói bốn tín tịnh, hiểu biết đúng.

Kệ nói:

*Nếu căn cứ ở vật
Chỉ hai thứ tín, giới.*

Giải thích: Tín tịnh, hiểu biết đúng về Phật, Pháp, Tăng. Tín là tự tánh, là một pháp mà Thánh đã yêu thích. Vì giới là một pháp của giới, nên căn cứ ở vật thật, giới kia chỉ có hai thứ.

Hai thứ này là hữu lưu hay là vô lưu?

Tất cả tín tịnh, hiểu biết đúng hoàn toàn.

Kệ nói: *Đều vô lưu.*

Giải thích: Tín tịnh hiểu biết đúng có nghĩa gì? Hiểu biết rõ như thật về bốn đế xong, đối với bốn xứ, được Tín là vô lưu. Do vậy nên gọi là tín tịnh hiểu biết đúng. Tín này do trí vô lưu tạo thành, chung cho hai người. Người này lúc đang xuất quán, hiện tiền sinh khởi nên bốn tín theo thứ tự như vậy.

Thế nào là xuất quán, hiện tiền sinh khởi?

Tức biết Đức Thế Tôn là Chánh giác Biến tri, chánh giác, chánh pháp của Đức Thế Tôn này là bậc nhất trong phần chánh thuyết. Chúng đệ tử Thánh của Đức Thế Tôn, ở trong chánh hạnh không ai bằng. Giống như phương thuốc của y sư đã an dưỡng cho ba loại bệnh nhân. Là tín tịnh của tâm đã tạo ra, gọi là tín tịnh giới. Hoặc thuyết thứ tư nói: Nếu người được tín tịnh, rồi chánh hạnh như đây, gọi là tín tịnh giới. Đây giống như loại không có bệnh. Hoặc nói bốn pháp này giống như thầy dẫn đường, giống như con đường, giống như bạn bè đồng tông chỉ, như sự vận tải. Trong kinh nói: Người Hữu học tương ứng với tám phần, người Vô học tương ứng với mười phần.

Sao không nói người Hữu học có chánh giải thoát, chánh giải thoát tri kiến?

Kệ nói:

*Giải thoát và chẳng phải
Phần học có trôi buộc
Nên mới có hai thứ.*

Giải thích: Người trong bậc Hữu học, đang Có sự trói buộc. Do chưa thể lìa khỏi sự ràng buộc của phiền não, nên nếu đang Có sự trói buộc, làm sao gọi là hàng Hữu học kia là giải thoát. Nếu giải thoát một phần ràng buộc, không thể nói là đã giải thoát. Và nếu không có giải thoát, làm sao được gọi là giải thoát tri kiến. Người Vô học đã vĩnh viễn giải thoát tất cả các phiền não ràng buộc nên có thể nói có giải thoát, vì do căn cứ ở hai trí chứng của mình đã thể hiện rõ.

Lời nói này như lý, pháp nào gọi là giải thoát?

Sự giải thoát này có hai thứ:

1. Hữu vi.

2. Vô vi.

Trong đây.

Kệ nói:

Hoặc diệt là vô vi

Tâm tịnh, rõ hữu vi.

Giải thích: vô vi giải thoát nghĩa là các hoặc diệt tận. Hữu vi giải thoát nghĩa là tâm của bậc Vô học thanh tịnh tở ngộ.

Kệ nói: Phần này.

Giải thích: Hữu vi giải thoát này, được gọi là phần Vô học, là các phần hữu vi.

Kệ nói: Tức hai giải thoát.

Giải thích: Hữu vi giải thoát này, trong kinh nói là hai thứ giải thoát. Nghĩa là tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Nên biết, hai giải thoát này, đối với người Vô học là phần giải thoát.

Nếu vậy, ở trong kinh khác sao lại nói lời này.

Tỳ-du-già! Gì là giải thoát? Nghĩa là tâm vĩnh viễn yên tịnh. Trong ấy có Tỳ-kheo, đối với tâm dục, lìa dục và giải thoát, đối với tâm sân si, lìa dục và giải thoát. Như đây, nếu chỗ giải thoát chưa viên mãn thì làm cho viên mãn, nếu đã viên mãn thì thâm tóm, gìn giữ dục và tinh tiến ấy (nói rộng như kinh). Vì không nên, chỉ cho tâm thấu tỏ là giải thoát.

Ở đây thế nào là chân trí tuệ?

Đã diệt trừ các hoặc như dục v.v..., là tâm hoàn toàn không có bợn nhơ. Sự khác nói: Gọi là giải thoát tức nói chánh giải thoát xong. Nói chánh giải thoát tri kiến khác với chánh kiến là loại gì?

Kệ nói: Tuệ như nói Bồ-đề.

Giải thích: Là Bồ-đề trước kia đã gọi là pháp này. Hiện nay nên biết gọi là chánh giải thoát tri kiến, nghĩa là Tận trí, Vô sinh trí.

Lại nữa, tâm nào được giải thoát? Vì là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Kệ nói:

*Giải thoát chánh sinh tâm
Vô học từ chướng hoặc.*

Giải thích: Tâm vị lai, được chúng sinh, tâm này thuộc về người Vô học. Từ đó, chướng của hoặc được giải thoát. A-tỳ-đạt-ma nói: Như đây, với tâm này, pháp nào làm chướng?

Phiền não có nhiều là chướng, vì có thể gây ngăn ngại cho sự sinh kia. Vì sao? Vì lúc ở định Kim cang dụ phiền não có nhiều này tức diệt. Lúc diệt, tâm Vô học ấy đang sinh. Thời điểm sinh này, tức là giải thoát chỗ phần phiền não ấy đã diệt. Tâm Vô học này đã sinh, được gọi là giải thoát.

Nếu vậy tâm chưa sinh và tâm thế gian, tâm ấy cũng giải thoát. Vì sao nói là chánh sinh và Vô học?

Nếu sinh, nhất định sẽ giải thoát. Tâm này là tâm hiện nay đã nói. Tâm thế gian từ hoặc nào để giải thoát?

Từ chướng sinh giải thoát. Nếu người chưa giải thoát, thì tâm giải thoát sẽ không sinh ư?

Sinh ra không như tâm giải thoát hiện nay đã biện luận.

Tâm này như thế nào cùng tương ưng hết mực với hoặc?

Đạo này ở quả vị nào có công năng trừ diệt chướng tự sinh?

Kệ nói:

*Đạo chánh diệt hay diệt
Các hoặc hay chướng đạo.*

Giải thích: Nếu đạo đang ở hiện đời, có thể làm tổn giảm các hoặc trước kia, vì hoặc vị lai tạo ra sức nơi hai thứ đệ duyên nên đối với hoặc vị lai dẫn đến trạch diệt và vì vĩnh viễn được ngăn chặn, khiến nó không sinh lại. Thế nên, đạo đang ở hiện đời, gây tổn giảm cho hoặc hiện tại, ngăn chặn hoặc vị lai, khi sắp khởi, là giải thoát vô vi mà trước đây đã nói.

Trong kinh nói: Cảnh giới có ba thứ, nghĩa là cõi diệt, cõi lìa dục, cõi vĩnh viễn dứt trừ.

Pháp này có gì khác?

Kệ nói: Cõi giải thoát vô vi.

Giải thích: Giải thoát vô vi này, tức là ba cõi.

Trong đây,

Kệ nói: Lìa dục, là dục diệt.

Giải thích: Phiền não, dục diệt gọi là cõi lìa dục.

Kệ nói: Cõi diệt hoặc khác diệt.

Giải thích: Dục khác, phiền não khác đều diệt, gọi là cõi diệt. Kệ nói: Vĩnh viễn diệt trừ loại riêng diệt.

Giải thích: Lìa loại hoặc, các pháp khác cũng diệt, gọi là cõi vĩnh viễn diệt trừ. Ba cõi này, tức là giải thoát vô vi. Như do loại này, tâm khởi chán điều ác.

Vì do loại này, tâm được lìa dục không? Trong đây có bốn luận chứng.

Vì sao tạo ra bốn luận chứng?

Kệ nói: Chán lìa do khổ, tập Nhẫn, trí.

Giải thích: Do khổ, tập, Nhẫn, trí, tâm chỉ sinh chán điều ác, không do các pháp khác. Vì sao? Vì hai pháp này là loại của cảnh giới ưu, não.

Kệ nói: Lìa dục.

Giải thích: Do diệt, đạo Nhẫn và trí, tâm chỉ được lìa dục, không do các pháp khác. Vì sao? Vì hai pháp này là loại của cảnh giới hỷ, lạc.

Kệ nói: Hai, do tất cả diệt.

Giải thích: Là tất cả khổ, tập, diệt, đạo, Nhẫn và trí, có thể diệt các hoặc. Do tâm kia chán điều ác nên cũng được lìa dục, không phải hai thứ ấy do pháp khác. Nếu các pháp khác kia không thể diệt trừ hoặc, trong đây, nếu người đã lìa dục, quán lại về bốn đế, do pháp, trí Nhẫn không thể diệt hoặc. Nếu trí gia hạnh, giải thoát thuộc về đạo tăng tiến thì trí này cũng không thể dứt hoặc.

Kệ nói: Trong đây lập bốn luận chứng.

Giải thích: Vì thế, nên biết nghĩa của bốn luận chứng là như vậy.

